

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT, SINH PHẨM

(Kèm theo Công văn số 436/BVTM ngày 08/8/2023 của Bệnh viện ĐKKV Tháp Mười)

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Môi trường cấy vi khuẩn	Kligler Iron Agar <> hoặc tương đương	150	Ống
2	Môi trường cấy vi khuẩn	Mac Conkey Agar <> hoặc tương đương	300	Đĩa
3	Môi trường cấy vi khuẩn	Mueller hinton agar (MHA 90) <> hoặc tương đương	300	Đĩa
4	Môi trường cấy vi khuẩn	BA 90mm (Thạch máu cừu) <> hoặc tương đương	300	Đĩa
5	Môi trường cấy vi khuẩn	S.I.M MEDIUM <> hoặc tương đương	150	Đĩa
6	Môi trường cấy vi khuẩn	Simmon Citrate Agar <> hoặc tương đương	150	Ống
7	Môi trường cấy vi khuẩn	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri XLD Agar <> hoặc tương đương	150	Đĩa
8	Nước rửa phim	Nước rửa phim <> hoặc tương đương	4	Bộ
9	Chai cấy máu	Chai cấy máu<>hoặc tương đương	300	Chai
10	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ	Dung dịch rửa màng lọc thận nhân tạo <> hoặc tương đương;	200	Lít
11	Sinh phẩm Antihumanglobulin (AHG)	Sinh phẩm Antihumanglobulin (AHG) <> hoặc tương đương	50	ml
12	Huyết thanh mẫu A	Huyết thanh mẫu A<>hoặc tương đương	100	ml
13	Huyết thanh mẫu B	Huyết thanh mẫu B<>hoặc tương đương	100	ml
14	Huyết thanh mẫu A+B	Huyết thanh mẫu A+B<>hoặc tương đương	100	ml
15	Huyết thanh mẫu D (Anti D IgM)	Huyết thanh mẫu D (Anti D IgM)<>hoặc tương đương	100	ml
16	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan B (HBsAb)	Test nhanh phát hiện kháng thể kháng HBV trong mẫu huyết thanh, huyết tương người Độ nhạy: ≥ 96 %; Độ đặc hiệu: ≥ 97%<>hoặc tương đương	1.000	Test

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
17	Test nhanh phát hiện kháng nguyên Dengue NS1, chẩn đoán sốt xuất huyết	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NS1 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 92.4\%$, Độ đặc hiệu: $\geq 98.4\%$ $\leq$ hoặc tương đương	2.000	Test
18	Test nhanh xét nghiệm H.Pylori	Test nhanh xét nghiệm H.Pylori trong mẫu huyết thanh, huyết tương $\leq$ hoặc tương đương	500	Test
19	Que thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số, phù hợp với máy Mission $\leq$ hoặc tương đương	8.000	Que
20	Test nhanh chẩn đoán nhồi máu cơ tim cấp (Troponin I)	Test nhanh phát hiện định tính Troponin I tim (cTnl) trong huyết tương, huyết thanh và máu toàn phần người. Độ nhạy: $\geq 95,8\%$. Độ đặc hiệu: $\geq 99,7\%$ $\leq$ hoặc tương đương	2.000	Que
21	Diệt tủy	Diệt tủy $\leq$ hoặc tương đương	50	Gram
22	Cone giấy nha khoa	Cone giấy $\leq$ hoặc tương đương	60	Cái
23	Cone phụ B nha khoa	Cone phụ B $\leq$ hoặc tương đương	60	Cái
24	Eugenol dùng trong nha khoa	Eugenol, thể tích $\geq 30\text{ml}$ $\leq$ hoặc tương đương	12	Lọ
25	Sò đánh bóng	Sò đánh bóng $\leq$ hoặc tương đương	60	Cái
26	Đai Cellulose trám Composite	Đai Cellulose trám composite $\leq$ hoặc tương đương	120	Cái
27	Trâm dũa (Reamers)	Trâm dũa (Reamers) các số $\leq$ hoặc tương đương	350	Cây
28	Mặt gương dùng trong nha khoa	Mặt gương $\leq$ hoặc tương đương	30	Cái
29	Côn Gutta các số dùng trong nha khoa	Côn Gutta các số $\leq$ hoặc tương đương	120	Hộp
30	Chất hàn ống tủy	Chữa tủy răng và làm bít ống tủy. Hộp có khối lượng bột $\geq 20\text{g}$ $\leq$ hoặc tương đương	8	Hộp
31	Trám tạm	Chất hàn tạm dùng trong nha khoa màu trắng. Lọ có khối lượng $\geq 30\text{g}$ $\leq$ tương đương	12	Lọ

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
32	Calcium Hydroxide	Bột Calcium Hydroxide sát trùng dùng trong chữa trị ống tủy, lọ có khối lượng $\geq 10g$ $\triangleleft$ hoặc tương đương	12	Lọ
33	Vật liệu trám răng	Vật liệu trám glass ionomer cân quang dành cho răng. Khối lượng bột $\geq 15g$ $\triangleleft$ hoặc tương đương	25	Hộp
34	Mũi khoang nha khoa	Dạng kim cương nhân tạo, dùng cho răng hàm mặt $\triangleleft$ hoặc tương đương	700	Cái
35	Đài đánh bóng	Đánh bóng composite sau khi hàn răng $\triangleleft$ hoặc tương đương	80	Cái
36	Lên nha khoa	Lên ngang dùng trong nha khoa $\triangleleft$ hoặc tương đương	150	Cây
37	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 128mm; Đường kính ngoài: 22.6mm; Đường kính trong: 16mm $\triangleleft$ hoặc tương đương	3	Cái
38	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 26mm Đường kính trong: 18mm $\triangleleft$ hoặc tương đương;	3	Cái
39	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 30mm Đường kính trong: 22mm $\triangleleft$ hoặc tương đương	3	Cái
40	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 34mm; Đường kính trong: 26mm $\triangleleft$ hoặc tương đương	3	Cái
41	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 38mm Đường kính trong: 30mm $\triangleleft$ hoặc tương đương	3	Cái
42	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 42mm Đường kính trong: 34mm $\triangleleft$ hoặc tương đương	3	Cái
43	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 135.7mm; Đường kính ngoài: 46mm; Đường kính trong: 38mm $\triangleleft$ hoặc tương đương	3	Cái

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
44	Thông gió dormia trong nội soi lấy sỏi niệu quản các loại, các cỡ	Chất liệu Nitonol đàn hồi cao, đầu xoắn ốc 4 nhánh có tay cầm. Chiều dài: 90cm, cỡ 3.0Fr <> hoặc tương đương	10	Cái
45	Đinh, nẹp, ghim, kim, khóa, ốc, vít, lồng dùng trong phẫu thuật các loại, các cỡ	Đinh kirschner đường kính các cỡ, chất liệu thép không gỉ <> hoặc tương đương	150	Cái
46	Bẫy nước dùng cho máy gây mê	Bẫy nước dùng cho máy gây mê, phù hợp với máy gây mê Drager<> hoặc tương đương	12	Cái
47	Ống nối máy thở	Ống nối máy thở<>catheter mount<> hoặc tương đương	20	Cái
48	Dây thở cho máy gây mê	Bộ dây thở cho máy gây mê các cỡ, sử dụng 01 lần<> hoặc tương đương	100	Bộ
49	Bộ giúp thở gây mê	Bộ giúp thở gây mê, túi trữ 2 lít<>Jackson Rees<> hoặc tương đương	10	Bộ
50	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cẳng tay dài các số (T, P)<> hoặc tương đương;	250	Cái
51	Khung, đai, nẹp, thanh luồn dùng trong chấn thương - chỉnh hình và phục hồi chức năng các loại, các cỡ	Nẹp cánh bàn tay trái, phải <> hoặc tương đương;	200	Cái
52	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Ống dẫn lưu ổ bụng số 28<> hoặc tương đương	400	Cái
53	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk (5/0), dài 75cm, kim tam giác 16mm, 3/8 vtr <> hoặc tương đương	150	Tép
54	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ	Chỉ không tan tự nhiên Black Silk (3/0), dài 75cm, kim tam giác 18mm, 3/8 vtr <> hoặc tương đương	150	Tép
55	Chỉ thép, dây thép dùng trong phẫu thuật	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7, kim tam giác <> Patella Set <> hoặc tương đương	100	Tép

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
56	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi polyglactin 370 và Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn taper CT dài 40 mm 1/2 vòng tròn.<> hoặc tương đương	1.200	Tép
57	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon (10/0), dài ≥ 30 cm, 2 kim hình thang <> hoặc tương đương	60	Tép
58	Chỉ khâu liền kim các loại, các cỡ	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Nylon (2/0), dài 75cm, kim tam giác 26mm, 3/8 vtr <> hoặc tương đương	500	Tép
59	Đầu côn các loại, các cỡ	Đầu côn xanh, 1000ul<>hoặc tương đương	30.000	Cái
60	Bơm tiêm insulin các loại, các cỡ	Ống tiêm Insulin 100UI/ml <> hoặc tương đương	230.000	Cái
61	Dây dẫn, dây truyền khí các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm)	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em <> hoặc tương đương	150	Bộ
62	Dây dẫn, dây truyền khí các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm)	Dây thở oxy 2 lỗ sơ sinh <> hoặc tương đương;	50	Bộ
63	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp hoặc 4 lớp <> hoặc tương đương	120.000	Cái
64	Dây dẫn, dây truyền dịch các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, bộ phân phối, cổng chia, ống nối đi kèm)	Dây truyền dịch 20 giọt/ml <> hoặc tương đương;	10.000	Bộ
65	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mask oxy nồng độ cao người lớn có túi dự trữ <> hoặc tương đương;	200	Cái
66	Mặt nạ (mask) các loại, các cỡ	Mask túi dây thở khí dung (người lớn, trẻ em) <> hoặc tương đương;	500	Bộ
67	Nón y tế tiết trùng	Nón y tế tiết trùng <> hoặc tương đương	3.000	Cái
68	Băng chun, băng đàn hồi các loại, các cỡ	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m <> hoặc tương đương	1.300	Cuộn
69	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sonde Foley 2 nhánh số 16 <> hoặc tương đương;	800	Cái
70	Túi, bao gói tiết trùng các loại, các cỡ	Túi ép tiết trùng 200mm x 200m <> hoặc tương đương	20	Cuộn

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
71	Tạp dề y tế	Tạp dề y tế <> hoặc tương đương	2.000	Cái
72	Thông (sonde) các loại, các cỡ	Sonde Nelaton số 16 <> hoặc tương đương;	300	Cái
73	Vật liệu cầm máu các loại (sáp, bone, surgicel, merocel, spongostan, gelitacel, floseal heamostatic, liotit)	Miếng cầm máu bằng Gelatin dạng bột xộp, kích thước >= 70mm x 50mm x 10mm <> hoặc tương đương	80	Miếng
74	Phim X-quang các loại, các cỡ	Phim khô 35cm x 43cm sử dụng cho máy CT-Scan, máy in Fuji <> hoặc tương đương	5.000	Cái
75	Phim X- quang các loại, các cỡ	Phim nha 3cm x 4cm <> hoặc tương đương	3.000	Cái
76	Dây garo	Dây garo <> hoặc tương đương	800	Cái
77	Bông (gòn), bông tẩm dung dịch các loại, các cỡ	100% bông tự nhiên, bông thấm nước, không vụn <> Gòn y tế <> hoặc tương đương	200	Kg
78	Bộ điều kinh	Bộ điều kinh <> hoặc tương đương	50	Bộ
79	Bộ rửa dạ dày sử dụng một lần các loại, các cỡ	Bộ rửa dạ dày<>hoặc tương đương	40	Bộ
80	Bao cao su	Bao cao su<>hoặc tương đương	1.000	Cái
81	Dây dẫn, dây truyền khí các loại, các cỡ (bao gồm cả chạc nối, ống nối đi kèm)	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn <> hoặc tương đương;	1.400	Bộ
82	Băng bột bó, vải lót bó bột, tất lót bó bột các loại, các cỡ	Băng bột bó xương (20cm x 2,7m) <> hoặc tương đương;	450	Cuộn
83	Gạc các loại, các cỡ	Gạc hút 0,8m x 100m <> hoặc tương đương	10.000	Mét
84	Kim tiêm dùng một lần các loại, các cỡ	Kim nha khoa<>hoặc tương đương	4.000	Cái
85	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn số 22G <> hoặc tương đương;	8.000	Cái
86	Kim lấy da các loại, các cỡ	Kim lấy máu đường huyết <> hoặc tương đương	6.000	Cái
87	Kim lấy máu, lấy thuốc các loại, các cỡ	Kim số 18G <> hoặc tương đương	80.000	Cái
88	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn số 20G <> hoặc tương đương;	300	Cái

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
89	Bơm tiêm dùng cho máy tiêm điện tự động các loại, các cỡ	Bơm tiêm 100ml, dùng để bơm thuốc cản quang > hoặc tương đương	100	Cái
90	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống nghiệm nhỏ PS 5ml có nắp trắng < hoặc tương đương	10.000	Cái
91	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống Heparin 2ml < hoặc tương đương	24.000	Cái
92	Túi, lọ, hộp đựng bệnh phẩm các loại, các cỡ	Ống nghiệm citrate, chống đông 2ml < hoặc tương đương	6.000	Cái
Tổng cộng: 92 khoản				

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	--	---	-----------------	--------------------

STT	Danh mục (Tên hàng hoá)	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
-----	----------------------------	--	----------	-------------

